

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG HÀN BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG TOPIK 4)
(Đợt 02 năm 2025, 11/05/2025)
(Ban hành theo Quyết định số 1343/MYH25/VHU/QĐ ngày 16 tháng 06 năm 2025)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc hiểu	Viết	Tổng			
1	VHU.THB4.02.001	201A150003	Bùi Thị Thu	Lâm	19/04/2002	Bình Dương	5.8	4.8	8.4	19	6.3	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.8
2	VHU.THB4.02.002	191A150052	Bùi Trương Thị Thùy	Dương	24/06/2001	Tây Ninh	Vắng	Vắng	Vắng	0	0.0	Rớt	Vắng
3	VHU.THB4.02.003	201A150094	Đặng Hoàng	Châu	28/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.8	8.8	6.3	21.9	7.3	Đậu	
4	VHU.THB4.02.004	201A150053	Đoàn Phương	Thảo	13/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.4	8.8	7	21.2	7.1	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.4
5	VHU.THB4.02.005	201A150113	Hồ Thị Thu	Huyền	11/06/2002	Ninh Thuận	6.2	6.4	7	19.6	6.5	Đậu	Bảo lưu Nghe: 6.2
6	VHU.THB4.02.006	201A150103	Hoàng Thị Ngân	Quỳnh	15/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.2	7.2	7	19.4	6.5	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.2
7	VHU.THB4.02.007	161A150392	Hoàng Thiện	Sinh	20/09/1998	Đồng Nai	8.3	7.4	7	22.7	7.6	Đậu	
8	VHU.THB4.02.008	181A150156	Huỳnh Lan	Anh	14/05/2000	Bình Thuận	Vắng	Vắng	Vắng	0	0.0	Rớt	Vắng
9	VHU.THB4.02.009	201A150101	Huỳnh Minh	Hiếu	24/06/2002	Quảng Nam	6	7.6	5.5	19.1	6.4	Đậu	
10	VHU.THB4.02.010	201A150169	Huỳnh Nguyễn Bích	Thủy	29/04/2002	Bình Thuận	6.6	6.4	7	20	6.7	Đậu	Bảo lưu Nghe: 6.6
11	VHU.THB4.02.011	201A150063	Huỳnh Thị Khánh	Đoan	20/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.8	5.4	7	19.2	6.4	Đậu	Bảo lưu Nghe: 6.8
12	VHU.THB4.02.012	191A150144	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	02/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.8	3.8	2	11.6	3.9	Rớt	Bảo lưu Nghe: 5.8
13	VHU.THB4.02.013	201A150098	Lê Thị Hương	Lan	04/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7	4.8	4	15.8	5.3	Đậu	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc hiểu	Viết	Tổng			
14	VHU.THB4.02.014	161A140037	Ngô Linh	Chi	25/08/1998	Đà Nẵng	8.3	8	6.5	22.8	7.6	Đậu	
15	VHU.THB4.02.015	161A150371	Ngô Thị Xuân	Diễm	10/05/1998	Ninh Thuận	Vắng	Vắng	Vắng	0	0.0	Rớt	Vắng
16	VHU.THB4.02.016	201A150190	Nguyễn Đạt Thanh	Nhi	28/08/2002	Tây Ninh	5.4	7	7	19.4	6.5	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.4
17	VHU.THB4.02.017	201A150185	Nguyễn Hồng	Thy	01/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	7.8	4.5	19.8	6.6	Đậu	
18	VHU.THB4.02.018	201A150208	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Anh	21/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	0	0.0	Rớt	Vắng
19	VHU.THB4.02.019	201A150064	Nguyễn In	Su	05/02/2002	Bình Thuận	5.2	7.4	5.5	18.1	6.0	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.2
20	VHU.THB4.02.020	191A150158	Nguyễn Mai	Hương	03/10/1999	Quảng Ngãi	6.8	7.8	6.4	21	7.0	Đậu	Bảo lưu Nghe: 6.8
21	VHU.THB4.02.021	201A150177	Nguyễn Ngọc	Hân	14/09/2002	An Giang	6.6	6.4	7.3	20.3	6.8	Đậu	Bảo lưu Nghe 6.6
22	VHU.THB4.02.022	201A150165	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	08/03/2002	Ninh Thuận	5.4	5.4	5.5	16.3	5.4	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.4
23	VHU.THB4.02.023	161A150265	Nguyễn Trần Thanh	Thúy	16/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	0	0.0	Rớt	Vắng
24	VHU.THB4.02.024	181A150117	Phạm Đăng	Cường	18/12/2000	Tây Ninh	Vắng	Vắng	Vắng	0	0.0	Rớt	Vắng
25	VHU.THB4.02.025	201A150174	Phạm Thị Kim	Giang	10/09/2001	Đắk Lắk	Vắng	Vắng	Vắng	0	0.0	Rớt	Vắng
26	VHU.THB4.02.026	201A150078	Phan Đình Ngọc Kim	Khánh	28/12/2002	Bến Tre	6	7	4.5	17.5	5.8	Đậu	
27	VHU.THB4.02.027	201A150187	Trần Ngọc Minh	Anh	26/07/2002	Sóc Trăng	Vắng	Vắng	Vắng	0	0.0	Rớt	Vắng
28	VHU.THB4.02.028	201A150008	Trần Phước	Sang	09/11/2002	Trà Vinh	5.2	7	6.5	18.7	6.2	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.2
29	VHU.THB4.02.029	201A150059	Trần Thị Tố	Quyên	06/06/2002	Tây Ninh	5.4	7.2	9.1	21.7	7.2	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.4
30	VHU.THB4.02.030	201A150009	Trần Văn	Long	26/12/2000	Bạc Liêu	5.6	5	5.9	16.5	5.5	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.6; Đọc hiểu: 5.0
31	VHU.THB4.02.031	191A150021	Trương Thị Kiều	Oanh	29/08/2001	Tiền Giang	5.8	6.6	5.3	17.7	5.9	Đậu	Bảo lưu Nghe: 5.8

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc hiểu	Viết	Tổng			
32	VHU.THB4.02.032	191A150048	Võ Ngọc Anh	Thi	03/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6.6	5.2	0.8	12.6	4.2	Rớt	Bảo lưu Nghe: 6.6
33	VHU.THB4.02.033	191A150046	Võ Nguyễn Minh	Luân	02/01/2001	Long An	7	8.2	5.5	20.7	6.9	Đậu	Bảo lưu Nghe: 7.0
34	VHU.THB4.02.034	201A150081	Vũ Bằng	Trình	14/07/2002	Cà Mau	6.5	6.6	9.4	22.5	7.5	Đậu	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 34
Số thí sinh dự kiểm tra: 26
Số thí sinh vắng kiểm tra: 8
Số thí sinh đậu: 24
Số thí sinh rớt: 2

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức